

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2021/DS-ST

Ngày: 04 - 5 - 2021

“V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Ngọc San.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Liên và ông Y Míp Niê.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Cát Càng – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2021, Tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 276/2020/TLST- DS ngày 14 tháng 12 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2021/QĐST - DS ngày 29 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2021/QĐST – DS ngày 09 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V.

Địa chỉ: Số 02 L, quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn Th – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Bùi Văn T - Giám đốc Phòng giao dịch T – chi nhánh E, Bắc Đ (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn H, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Chính Q và bà Nguyễn Thị M

Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

(Ông Q có mặt, bà M vắng mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị Th1, chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Chính H1 (Tất cả đều vắng mặt không có lý do).

Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Bùi Văn Th trình bày:

Ngày 06/3/2017, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V - Chi nhánh E - phòng giao dịch T (Sau đây gọi tắt là ngân hàng) với ông Nguyễn Chính Q và bà Nguyễn Thị M đã ký kết hợp đồng tín dụng số 5227LAV201700469/HĐTD với nội dung: Ngân hàng cho ông Q và bà M vay số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), Thời hạn vay 48 tháng, trả nợ theo 04 kỳ, cụ thể: Ngày 22/02/2018 trả 50.000.000 đồng; ngày 22/02/2019 trả 50.000.000 đồng; ngày 22/02/2020 trả 50.000.000 đồng;

ngày 22/02/2021 trả 50.000.000 đồng, lãi suất tiền vay là 11 %/năm. Mục đích vay để mua sắm vật dụng sinh hoạt, sửa chữa công trình phụ.

Tài sản thế chấp để bảo đảm tiền vay là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 636; tờ bản đồ số 35, địa chỉ thửa đất tại thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, đã được Ủy ban nhân dân huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở số CE 095156 ngày 24/8/2016 mang tên Hộ ông Nguyễn Chính Q, diện tích đất là 5.334 m².

- Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 5227LCP2017001110/HĐTC ngày 23/02/2017 giữa ông Nguyễn Chính Q, bà Nguyễn Thị M với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V – Chi nhánh E - Phòng giao dịch T.

Quá trình vay vốn tại ngân hàng, tính đến ngày 16/11/2020 ông Q, bà M đã trả được cho Ngân hàng số nợ gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi là 49.844.361 đồng. Số nợ gốc còn lại là 100.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh hộ ông Q không trả cho ngân hàng, mặc dù đã quá hạn trả nợ gốc 01 kỳ và nợ lãi phát sinh là 14.643.750đ. Do hộ ông Q vi phạm nghĩa vụ theo thỏa thuận, nên ngân hàng đã khởi kiện tại Tòa án, yêu cầu hộ ông Q trả số nợ gốc 100.000.000đ và tiền lãi phát sinh là 15.202.278đ.

Sau khi ngân hàng khởi kiện ông Q tiếp tục trả được 25.000.000đ tiền nợ gốc. Số nợ còn lại tính đến ngày xét xử là 95.422.875đ, bao gồm nợ gốc là 75.000.000đ, nợ lãi là 20.422.875đ (Lãi trong hạn là 15.720.833đ, lãi quá hạn là 4.702.042đ)

Nay ngân hàng xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu buộc ông Q, bà M phải trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V số nợ tính đến ngày 04/5/2021 là 95.422.875đ, bao gồm nợ gốc là 75.000.000đ, nợ lãi là 20.422.875đ

Trường hợp ông Nguyễn Chính Q và bà Nguyễn Thị M không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V được quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

- Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Chính Q trình bày:

Ông công nhận vào ngày 06/3/2017, ông và vợ là Nguyễn Thị M đã ký kết hợp đồng tín dụng số 5227LAV201700469/HĐTD với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V – Chi nhánh E - Phòng giao dịch T để vay 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), thời hạn vay 48 tháng, trả nợ theo 04 kỳ, mỗi kỳ 01 năm; lãi suất vay là 11 %/năm. Mục đích vay để mua sắm vật dụng sinh hoạt, sửa chữa công trình phụ.

Khi vay tiền ông đã thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 636; tờ bản đồ số 35, địa chỉ thửa đất tại thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, đã được Ủy ban nhân dân huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở số CE 095156 ngày 24/8/2016 mang tên Hộ ông Nguyễn Chính Q. Việc thế chấp được đăng ký đúng theo quy định của pháp luật

Quá trình vay vốn tại ngân hàng vợ chồng ông đã trả được cho Ngân hàng số nợ gốc là 125.000.000đ và tiền lãi là 49.844.361đ.

Hiện nay ông còn nợ ngân hàng số tiền nợ gốc là 75.000.000đ và tiền lãi phát sinh.

Ông công nhận quá trình thực hiện hợp đồng vợ chồng ông đã không trả nợ đúng theo nội dung đã thỏa thuận, và hiện nay đã quá thời hạn trả nợ, nên việc ngân hàng khởi kiện vợ chồng ông tại Tòa án là đúng. Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông phải trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V số tiền nợ gốc là

75.000.000đ và tiền lãi phát sinh thì ông đồng ý, nhưng xin gia hạn thêm thời gian trả nợ. Do vợ và con ông đi làm ăn xa nên quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã không có mặt theo giấy triệu tập.

Tại phần tranh luận, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến, trong đó trình bày:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ và đúng các quy định của bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa đương sự tuân thủ nội quy phiên tòa và sự điều khiển của chủ tọa phiên tòa.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ vào hồ sơ do nguyên đơn cung cấp thì chị Nguyễn Thị Th1, chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Chính H1 là thành viên hộ gia đình ông Q và đã trên 18 tuổi, tài sản thế chấp để bảo đảm tiền vay là tài sản của hộ gia đình. Căn cứ khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định chị Th1, chị H và anh H1 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Tại phiên tòa hôm nay đồng bị đơn là bà Nguyễn Thị M và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đồng bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Căn cứ vào yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ, HĐXX thấy rằng: Giữa Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V với ông Nguyễn Chính Q và bà Nguyễn Thị M đã xác lập giao dịch vay tiền. Do ngân hàng cho rằng ông Q và bà M không trả nợ đúng hạn nên đã khởi kiện tại Tòa án. Vì vậy HĐXX xác định quan hệ pháp luật giữa ngân hàng với ông Q và bà M là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS và thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Krông Năng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

- Về số lượng nợ: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương sự có mặt đã thống nhất về thời điểm xác lập giao dịch vay tiền và số tiền vay, số tiền đã trả. Căn cứ vào tài liệu do các đương sự cung cấp và ý kiến, yêu cầu của các đương sự đã có cơ sở xác định:

Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V cho vợ chồng ông bà Nguyễn Chính Q - Nguyễn Thị M vay số tiền là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), mục đích vay phục vụ sản xuất nông nghiệp. Sau khi vay tiền cho đến thời điểm ngân hàng khởi kiện thì bên vay mới trả được số nợ gốc là 100.000.000đ và tiền lãi là 49.844.361đ. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án thì ông Q và bà M tiếp tục trả được 25.000.000đ. Như vậy, HĐXX xác định ông Q và bà M còn nợ ngân hàng số tiền nợ gốc là 75.000.000đ đ và tiền lãi phát sinh tiếp theo.

- Về thời hạn trả nợ: Khoản vay giữa ngân hàng với ông Q và bà M được hai bên thỏa thuận thời hạn trả nợ là 48 tháng, chia làm 04 kỳ, mỗi kỳ trả 50.000.000đ tiền nợ gốc. Đến thời điểm ngân hàng khởi kiện thì ông Q và bà M mới chỉ trả được 02 kỳ nợ gốc và đã quá hạn trả nợ gốc 01 kỳ và quá hạn trả nợ lãi. Việc ông Q và bà M không thực hiện nghĩa

vụ trả nợ theo phân kỳ như đã cam kết và cũng không bàn giao tài sản thế chấp cho ngân hàng để xử lý nợ là đã vi phạm thời hạn trả nợ theo quy định tại Điều 282 BLDS. Mặc dù bị đơn xin gia hạn thời hạn trả nợ, nhưng do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng. Vì vậy việc ngân hàng chuyển thành nợ quá hạn và khởi kiện yêu cầu trả toàn bộ số nợ gốc và lãi là có căn cứ.

[3]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, để đảm bảo quyền lợi cho bên bị vi phạm, HĐXX xét thấy cần áp dụng các Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự và Thông tư 39/2016/TT – NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước, chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V, buộc ông Nguyễn Chính Q và bà Nguyễn Thị M phải trả cho ngân hàng toàn bộ số tiền tính đến ngày 04/5/2021 là 95.422.875đ, bao gồm nợ gốc là 75.000.000đ, nợ lãi là 20.422.875đ (Lãi trong hạn là 15.720.833đ, lãi quá hạn là 4.702.042đ)

Ông Nguyễn Chính Q và bà Nguyễn Thị M phải chịu lãi suất tiếp theo theo mức lãi suất quá hạn tại hợp đồng tín dụng đã ký kết với ngân hàng, kể từ ngày 05/5/2021 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Về xử lý tài sản thế chấp: Khi vay tiền ông Q và bà M đã thế chấp tài sản là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 636; tờ bản đồ số 35, địa chỉ thửa đất tại thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, đã được Ủy ban nhân dân huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở số CE 095156 ngày 24/8/2016, mang tên Hộ ông Nguyễn Chính Q. Như vậy khoản vay của ông Q và bà M tại ngân hàng có tài sản bảo đảm. Vì vậy nếu ông Q và bà M không trả được nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của ông Q và bà M để thu hồi nợ.

[4]. Về án phí: Ông Nguyễn Chính Q và bà Nguyễn Thị M là người có lỗi trong hợp đồng vay tài sản và phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, mức án phí phải chịu là: $95.422.875đ \times 5\% = 4.771.143đ$.

Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên sẽ được hoàn trả số tiền án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự; Thông tư 39/2016/TT – NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V.

1. Buộc ông Nguyễn Chính Q và bà Nguyễn Thị M phải trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V tổng số tiền là 95.422.875đ (Chín mươi lăm triệu bốn trăm hai mươi hai ngàn tám trăm bảy mươi lăm đồng), bao gồm: Nợ gốc là 75.000.000đ, nợ lãi là 20.422.875đ.

Kể từ ngày 05/5/2021 cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Chính Q và bà Nguyễn Thị M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 5227LAV201700469/HĐTD ngày 26/3/2017.

Sau khi ông Q và bà M trả hết nợ cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V, thì Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V có nghĩa vụ trả lại cho ông Q và bà M giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 095156 ngày 24/8/2016, mang tên Hộ ông Nguyễn Chính Q

Trường hợp ông Q và bà M không trả hoặc trả không hết nợ, thì Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất mà ông Q và bà M đã thế chấp cho ngân hàng tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 5227LCP2017001110/HĐTC ngày 23/02/2017, để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Nguyễn Chính Q và bà Nguyễn Thị M phải liên đới nộp 4.771.143đ (Bốn triệu bảy trăm bảy mươi một ngàn một trăm bốn mươi ba đồng) án phí dân sự có giá ngạch.

Hoàn trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V số tiền 2.880.000đ (Hai triệu tám trăm tám mươi ngàn đồng) đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Năng theo biên lai số AA2019/0015093 ngày 01/12/2020.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- THADS huyện Krông Năng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

BÙI NGỌC SAN